

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 01- 02 - 2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; Trụ sở: Số X đường N, phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Phan Minh N** – Chuyên viên quản lý nợ (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/03/2020*). Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Lê P**, sinh năm 1984; Trú tại: số Y đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 03 năm 2020, bản trình bày ngày 20 tháng 3 năm 2020 nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:** Ngày 24/4/2015, bà Lê P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Căn cứ vào thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức là 15.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.514.000đ. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày

kích hoạt đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.468.659đ. Từ sau ngày 31/3/2016 bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ, ngày 30/06/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/3/2020 bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng 42.242.811đ. Trong đó nợ gốc 17.165.184đ, nợ lãi quá hạn 25.077.627đ.

Tính đến ngày xét xử hôm nay, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền 48.110.865đ, trong đó nợ gốc là 17.165.184đ, nợ lãi là 30.945.681đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo. Nên đề nghị Tòa án buộc bà P phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nói trên đồng thời tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng kể từ ngày 02/02/2021 cho đến khi bà P thanh toán xong khoản nợ.

* Quá trình thụ lý, Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho bà Lê P về địa chỉ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết với Ngân hàng là số Y đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có thông báo bà P nhận trực tiếp, có thông báo gia đình nhận thay nhưng bà không có bất cứ phản hồi nào về vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Bị đơn Lê P đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa, bà P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Giữa nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn Lê P đã giao kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng. Cùng với yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh việc bà Lê P đã vi phạm điều khoản thanh toán của Hợp đồng và còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến xét xử sơ thẩm là 48.110.865đ, trong đó nợ gốc là 17.165.184đ, nợ lãi là 30.945.681đ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã giao kết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê P phải trả cho nguyên đơn số tiền 48.110.865đ nói trên đồng thời tiếp tục tính lãi suất đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Lê P, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng thể hiện địa chỉ của bị đơn Lê P số Y đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Qua xác minh tại địa phương thể hiện hiện bà P đang cư trú tại địa chỉ nhận văn bản tố tụng nhưng không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ, lời khai thể hiện vào ngày 24/4/2015, bà Lê P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, căn cứ mức thu nhập của bà P ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng số tiền 15.000.000đ. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện *“Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/ chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này tạo nên một Hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và S. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi được cấp”*. Tại mục 22 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định về cách tính lãi như sau: *“Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt): Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ; Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo cho chủ thẻ.”*

Căn cứ vào mức lãi suất điều chỉnh của Ngân hàng tương ứng với từng thời kỳ, căn cứ vào số tiền thực tế giao dịch của bà Lê P, Ngân hàng đã chứng minh được quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày xét xử hôm nay - 01/02/2021 bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng 48.110.865đ, trong đó nợ gốc là 17.165.184đ, nợ lãi là 30.945.681đ.

Như vậy, *“Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng”* là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Lê P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, quy định về biểu lãi suất đối với thẻ tín dụng của Ngân hàng tương ứng với từng giai đoạn. Việc giao kết hợp đồng nói trên là

đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Việc bà P tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 01/02/2021 là 48.110.865đ, trong đó nợ gốc là 17.165.184đ, nợ lãi là 30.945.681đ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nói trên.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Lê P

Xử:

1. Buộc bà Lê P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 48.110.865đ (*Bốn mươi tám triệu một trăm mười ngàn tám trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là 17.165.184đ (*Mười bảy triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm tám mươi bốn đồng*), nợ lãi là 30.945.681đ (*Ba mươi triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi một đồng*).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 02/02/2021 dựa trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng được ký kết giữa bà Lê P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi bà Lê P thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền

2. Về án phí: Bà Lê P phải chịu 2.405.543đ (*Hai triệu bốn trăm lẻ năm ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.056.070đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0009442 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đoàn Công Quốc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đoàn Công Quốc